

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 05 - 5 -2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và ông Dương Quốc Phòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt lần thứ 3 không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2021, bản tự khai ngày 27/12/2021 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý, đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, trong cuộc sống giữa chị N và anh C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm và không tôn trọng lẫn nhau. Chị N và anh C đã sống ly thân trong một thời gian dài không có biện pháp nào để hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C có 02 người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2014 và Nguyễn Quỳnh Nhã Y, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2018. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án giao cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn C cố tình không hợp tác với Tòa án, không gửi văn bản phản hồi việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp lời khai cho tòa án, bị đơn cũng không nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt. Việc cấp, gửi Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Thông báo phiên tòa được thực hiện theo hình thức niêm yết theo đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh C cũng không đến phiên tòa.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 27/12/2021, cháu Nguyễn Gia B là con trên 07 tuổi của chị N và anh C trình bày nguyện vọng muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nếu cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn C. Anh Nguyễn Văn C là bị đơn đang cư trú tại Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, giữa chị N và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai bên không có tiếng nói chung nên đã nhiều lần vợ chồng bất hoà dẫn đến cãi vã, xung đột.

Vợ chồng không ai quan tâm đến ai, hai người cũng không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Anh C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị N. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Giữa chị N và anh C không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C có 02 người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2014 và Nguyễn Quỳnh Nhã Y, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2018. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Nguyễn Gia B đã hơn 08 tuổi trình bày nguyện vọng được mẹ N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong trường hợp cha mẹ phải ly hôn nhau. Để tránh gây xáo trộn về tâm lý của cả 02 cháu Nguyễn Gia B và Nguyễn Quỳnh Nhã Y và đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần của người chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu B và cháu Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác thay thế là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ý kiến của chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2014 và Nguyễn Quỳnh Nhã Y, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002532 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/5/2022). Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADSBT;
- UBND xã Phúc Trạch;
- Lưu HSVA; Lưu AV;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Quảng

